

NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT THỊNH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017.
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1.	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này của Công Ty Cổ Phần May Việt Thịnh (dưới đây gọi là "Công Ty") là cơ sở pháp lý cho Công Ty Cổ Phần May Việt Thịnh. Điều lệ, các quy định của Công Ty, các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.</p> <p>Điều lệ này đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua <u>ngày 18 tháng 04 năm 2015</u> tại Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này của Công Ty Cổ Phần May Việt Thịnh (dưới đây gọi là "Công Ty") là cơ sở pháp lý cho Công Ty Cổ Phần May Việt Thịnh. Điều lệ, các quy định của Công Ty, các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.</p> <p>Điều lệ này đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua <u>ngày 07 tháng 04 năm 2018</u> tại Thành phố Hồ Chí Minh (<u>sau đây được gọi là “Điều Lệ”</u>).</p>	<p><i>Trình bày lại nhằm rõ ràng hơn.</i></p>
2.	<p>Mục 6 khoản 1, Điều 1</p> <p>1.6 "Vốn điều lệ" <u>có nghĩa là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 4 của Điều</u></p>	<p>Mục 7 khoản 1, Điều 1</p> <p>1.7 “Vốn điều lệ” <u>là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 111 LDN</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<u>lê này.</u>	<u>doanh nghiệp và quy định tại Điều 4 Điều lệ này</u>	2014
3.	Mục 10, Khoản 1, Điều 1 <u>1.10 "Cán bộ quản lý" có nghĩa là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám Đốc Điều Hành, Kế Toán Trưởng và các cán bộ khác theo quy định của Công Ty, được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm làm cán bộ quản lý của Công Ty Cổ Phần May Việt Thịnh.</u>	Mục 4, Khoản 1, Điều 1 <u>1.4. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám Đốc Điều Hành, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty, được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 5, Điều 2, ND71</i>
4.	Chưa quy định	Mục 14, Khoản 1, Điều 1 <u>1.14 "Người quản lý Công ty" là người quy định tại khoản 18 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</u>	<i>Phù hợp với Khoản 18, Điều 4 LDN 2014</i>
5.	Chưa quy định	Mục 15, khoản 1, Điều 1 <u>1.15. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán</u>	<i>Phù hợp Khoản 3, Điều 2, ND71</i>
6.	II. TÊN, <u>ĐIA CHỈ</u> VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	II. TÊN, <u>TRU SỞ, CHI NHÁNH</u>, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG <u>VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT</u> CỦA CÔNG TY	<i>Bổ sung cho phù hợp</i>
7.	Khoản 2, Điều 2 - Điện thoại: (84 -8) 9731063 - Fax: (84- 8) 9731062	Khoản 2, Điều 2 - Điện thoại: (84 - <u>28</u>) 9731063 - Fax: (84- <u>28</u>) 9731062	<i>Sửa theo mã vùng mới</i>
8.	Khoản 3 Điều 2 3. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật	Khoản 3 Điều 2 <u>3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:</u>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	của Công Ty.	<p><u>3.1 Số lượng người đại diện theo pháp luật là một (01) người.</u> Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p><u>3.2 Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></p> <p><u>3.3 Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u></p> <p><u>3.4 Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 5, Điều 13, Luật DN 2014</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>3.5 Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tam giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.</u>	
9.	<p>Khoản 5 Điều 2</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 45 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công Ty là vô hạn.</p>	<p>Khoản 5 Điều 2</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 46 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công Ty là vô hạn.</p>	<i>Phù hợp điều lệ sửa đổi</i>
10.	<p>Khoản 1 Điều 3</p> <p>1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt, may các loại.</u> • <u>Xuất nhập khẩu trực tiếp.</u> • <u>Sản xuất, kinh doanh nguyên phụ liệu ngành may;</u> • <u>Kinh doanh máy móc thiết bị;</u> • <u>Dịch vụ đào tạo cắt may công nghiệp ngắn hạn;</u> • <u>Gia công giặt , in , thêu và sản xuất bao bì;</u> • <u>Cho thuê nhà xưởng; văn phòng ;</u> • Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với 	<p>Khoản 1 Điều 3</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)</u> • <u>Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép</u> • <u>Hoàn thiện sản phẩm dệt</u> • <u>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</u> • <u>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu</u> • <u>Giáo dục nghề nghiệp</u> • <u>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</u> 	<i>Dựa vào Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</i>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	quy định của pháp luật .	<ul style="list-style-type: none"> • <u>Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa</u> • Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật . 	
11.	<p>Khoản 2 Điều 3</p> <p>2. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty:</p> <p>2.1 Công ty được quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <u>như quy định trong Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản Điều lệ này</u>, phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2.2 Công ty được quyền tiến hành những hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật <u>cho phép nếu được Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.</u></p>	<p>Khoản 2 Điều 3</p> <p>2. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty:</p> <p>2.1 Công ty được quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh, <u>theo ngành, nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia</u> phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2.2 Công ty được quyền tiến hành những hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật <u>không cấm.</u></p>	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1, Điều 7 và Mục a, Khoản 1, Điều 33 LDN2014</i>
12.	<p>Mục 1.4, Khoản 1, Điều 5</p> <p>1.4 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số</u> giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức;</u></p>	<p>Mục 1.4, Khoản 1, Điều 5</p> <p>1.4 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân</u>, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</u></p>	<i>Sửa đổi phù hợp Mục d, Điều 130 LDN2014</i>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
13.	<p>Khoản 2, Điều 6</p> <p>2. Hình thức cổ phiếu phát hành do Hội đồng quản trị quyết định. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>2.1 Tên <u>và trụ sở</u> Công ty;</p> <p>2.2 <u>Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;</u></p> <p>2.3 Số lượng cổ phần và các loại cổ phần;</p> <p>2.4 Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>2.5 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số</u> giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức;</u></p> <p>2.6 Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>2.7 Chữ ký của người <u>Chủ tịch HĐQT và</u> đại diện theo pháp luật và dấu của Công Ty.</p>	<p>Khoản 2, Điều 6</p> <p>2. Hình thức cổ phiếu phát hành do Hội đồng quản trị quyết định. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>2.1 Tên, <u>mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính</u> của Công ty;</p> <p>2.2 Số lượng cổ phần và các loại cổ phần;</p> <p>2.3 Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>2.4 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân</u>, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, <u>mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</u></p> <p>2.5 Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>2.6 Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1, Điều 120 LDN2014</i></p>
14.	<p>Khoản 2, Điều 10</p> <p>2. Công ty sẽ xem xét việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong trường hợp không thỏa</p>	<p>Khoản 2, Điều 10</p> <p>2. Công ty sẽ xem xét việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày</p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Khoản 2, Điều 129 LDN2014</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức chuyên nghiệp định giá.	nhận được yêu cầu. Trong trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức chuyên nghiệp định giá. <u>Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</u>	
15.	<p>Khoản 1, Điều 13</p> <p>1. <u>Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông</u> có các quyền sau đây:</p> <p>1.1 Tham dự và phát biểu trong các kỳ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại Hội Đồng Cổ Đông <u>trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;</u></p> <p>1.2 <u>Được</u> nhận cổ tức <u>theo mức do</u> Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;</p> <p>1.3 Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông theo quy định của pháp luật và quy chế chuyển nhượng cổ phần của Công Ty; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Điều lệ này;</p> <p>1.4 Được ưu tiên mua cổ phần <u>phát hành thêm theo tỷ lệ nắm giữ khi Công Ty phát hành thêm cổ phần;</u></p> <p>1.5 Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin <u>cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và</u></p>	<p>Khoản 1, Điều 13</p> <p>1. <u>Cổ đông phổ thông</u> có các quyền sau:</p> <p>1.1 Tham dự <u>ủy quyền tham dự</u> và phát biểu trong các kỳ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty và <u>thực hiện quyền</u> biểu quyết <u>trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc bỏ phiếu từ xa</u> tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại Hội Đồng Cổ Đông;</p> <p>1.2 Nhận cổ tức <u>với mức theo quyết định của</u> Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>1.3 Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông theo quy định của pháp luật và quy chế chuyển nhượng cổ phần của Công Ty; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Điều lệ này;</p> <p>1.4 Được ưu tiên mua cổ phần <u>mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</u></p> <p>1.5 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin <u>liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 114 Luật DN 2014 và Khoản 2 Điều 12 Thông tư 95</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><u>yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác liên quan đến chính mình:</u></p> <p>1.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>1.7 Khi Công Ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <u>tỷ lệ cổ phần góp vốn vào</u> Công Ty, sau khi Công Ty đã thanh toán <u>cho chủ nợ, các nghĩa vụ phải thực hiện, và cổ đông ưu đãi (nếu có)</u> theo quy định của pháp luật;</p> <p>1.8 Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 10 của Điều lệ này và phù hợp với các quy định của pháp luật;</p> <p>1.9 Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p><u>tin không chính xác:</u></p> <p>1.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>1.7 Trường hợp Công ty giải thể <u>hoặc phá sản</u>, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <u>tỷ lệ sở hữu cổ phần tại</u> Công ty sau khi Công ty đã thanh toán <u>các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty</u> theo quy định của pháp luật;</p> <p>1.8 Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 10 của Điều lệ này và phù hợp với các quy định của pháp luật;</p> <p>1.9 Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
16.	<p>Điều 14</p> <p>Cổ đông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 14</p> <p>Cổ đông <u>phổ thông</u> có các nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p><u>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</u></p> <p><u>2.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u></p> <p><u>2.2. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu</u></p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Mục a Khoản 1 Điều 114 LDN 2014 và Khoản 2 Điều 13 Thông tư 95</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p><u>quyết tại cuộc họp;</u></p> <p><u>2.3. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u></p> <p><u>2.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u></p>	
17.	<p>Khoản 2 Điều 15</p> <p>2. Các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng Quản trị triệu tập và được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và tại địa điểm trên lãnh thổ Việt Nam do Hội đồng Quản trị quyết định tùy thuộc vào từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết và thông qua những vấn đề do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.</p>	<p>Khoản 2 Điều 15</p> <p>2. Các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng Quản trị triệu tập và được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và tại địa điểm trên lãnh thổ Việt Nam do Hội đồng Quản trị quyết định tùy thuộc vào từng thời điểm. <u>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u> Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết và thông qua những vấn đề do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.</p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Điều 136, LDN2014</i></p>
18.	<p>Khoản 3, Điều 15</p> <p>3. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>3.1 Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p>	<p>Khoản 3, Điều 15</p> <p>3. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>3.1 Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Khoản 3, Điều 136 Luật DN 2014 và Khoản 3 Điều 14 Thông tư 95</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>3.2 <u>Số liệu trong bảng cân đối kế toán quý, nửa năm hoặc cả năm</u> của Công ty cho thấy vốn điều lệ của Công ty bị giảm một nửa (50%) trở lên;</p> <p>3.3 Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.</p> <p>3.4 Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông như quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông <u>bắt thường bằng văn bản có đầy đủ chữ ký của các cổ đông liên quan và nêu rõ lý do, mục đích của việc triệu tập;</u></p> <p>3.5 Ban Kiểm Soát yêu cầu triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bắt thường khi Ban Kiểm Soát có bằng chứng về việc các thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc <u>các cán bộ quản lý</u> của Công Ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội Đồng Quản Trị và <u>các cán bộ quản lý</u> hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p> <p>3.6 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>3.2 <u>Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm</u> của Công ty cho thấy vốn điều lệ của Công ty bị giảm một nửa (50%) trở lên;</p> <p>3.3 Số thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật <u>hoặc số thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.</u></p> <p>3.4 Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông như quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. <u>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</u></p> <p>3.5 Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bắt thường khi Ban Kiểm soát có bằng chứng về việc các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc <u>những người điều hành khác</u> của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị và <u>người điều hành</u> hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p> <p>3.6 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật</p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		và Điều lệ công ty.	
19.	<p>Khoản 4 Điều 15</p> <p>4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>4.1 Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại mục 4, mục 5, Khoản 3, Điều này.</p> <p>4.2 Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo.</p> <p>4.3 Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo yêu cầu, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này <u>yêu cầu có thể tự triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông ngay.</u></p> <p>.....</p>	<p>Khoản 4 Điều 15</p> <p>4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>4.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày <u>số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại mục 3 Khoản 3 Điều này hoặc</u> nhận được yêu cầu nêu tại mục 4, mục 5, Khoản 3, Điều này.</p> <p>4.2 Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại <u>mục 1 Khoản 4 Điều này,</u> Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo, <u>theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>4.3 Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo <u>quy định tại mục 2 khoản 4 Điều này,</u> thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>có yêu cầu triệu tập cuộc họp</u> được quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này <u>có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi</u></p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 4 Điều 136 LDN 2014 và Khoản 4 Điều 14 Thông tư 95</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p><u>(30) ngày tiếp theo, theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</u></p> <p><u>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>.....</p>	
20.	<p>Mục 2.14, Khoản 3, Điều 16</p> <p><u>2.14. Việc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc;</u></p>	<p>Mục 2.13, Khoản 3, Điều 16</p> <p>Bỏ theo qui định</p>	<p>Sửa lại cho phù hợp Khoản 2, Điều 12 Nghị định 71</p>
21.	<p>Mục 3.2, Khoản 3, Điều 16</p> <p>3.2 Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc <u>của bất kỳ những người liên quan đến cổ đông đó sở hữu trong một công Ty khác mà Công Ty quyết định đầu tư tài sản, tài chính.</u></p>	<p>Mục 3.2, Khoản 3, Điều 16</p> <p>3.2 Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc <u>của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với các quy định của Luật Chứng khoán</p>
22.	<p>Khoản 1, Điều 17</p> <p>Cổ đông có quyền trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Việc chỉ định hoặc huỷ bỏ người đại diện uỷ quyền phải được lập thành văn bản gửi đến Hội Đồng Quản Trị, và sẽ</p>	<p>Khoản 1, Điều 17</p> <p>Cổ đông có quyền trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Việc chỉ định hoặc huỷ bỏ người đại diện uỷ quyền phải được lập thành văn bản gửi đến Hội Đồng Quản Trị, và sẽ</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp khoản 2, Điều 16, TT95 và thực tế doanh nghiệp</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>có hiệu lực khi Hội Đồng Quản Trị nhận được văn bản này. Mỗi cổ đông cá nhân chỉ được ủy quyền 01 lần và uỷ quyền cho 01 người , trừ cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo qui định của pháp luật .</p> <p>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>1.1 Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và <u>người được ủy quyền dự họp</u>;</p> <p>1.2 Trường hợp <u>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</u> là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và chữ ký người được ủy quyền dự họp có đóng dấu của tổ chức đó;</p> <p>1.3 Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p>	<p>có hiệu lực khi Hội Đồng Quản Trị nhận được văn bản này. Mỗi cổ đông cá nhân chỉ được ủy quyền 01 lần và uỷ quyền cho 01 người , trừ cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số (<u>tối đa 03</u>) đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo qui định của pháp luật .</p> <p>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>1.1 Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì <u>giấy ủy quyền</u> phải có chữ ký của cổ đông đó và <u>cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp</u>;</p> <p>1.2 Trường hợp <u>cổ đông tổ chức</u> là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông <u>tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp</u>;</p> <p>1.3 Trong trường hợp khác thì <u>giấy ủy quyền</u> phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p>	
23.	<p>Khoản 1 Điều 18</p> <p><u>1. Trường hợp vốn cổ phần của Công Ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần chỉ có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ khi thỏa mãn</u></p>	<p>Khoản 1 Điều 18</p> <p><u>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu</u></p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Khoản 1 Điều 144 LDN 2014 và khoản 1 Điều 17 TT95</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><u>đầy đủ các điều kiện sau:</u></p> <p><u>1.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua Nghị quyết về vấn đề này;</u></p> <p><u>1.2 Có sự nhất trí bằng văn bản của các cổ đông nắm giữ ít nhất 65% số lượng cổ phần đã phát hành của loại cổ phiếu đó;</u></p>	<p><u>quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</u></p>	
24.	<p>Khoản 1 Điều 19</p> <p>1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo quyết định của Hội đồng Quản trị, trừ các trường hợp được quy định tại Mục 2 và 3 Khoản 5 Điều 15 của Điều lệ này.</p>	<p>Khoản 1 Điều 19</p> <p>1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo quyết định của Hội đồng Quản trị, trừ các trường hợp được quy định tại Mục 2 và 3 Khoản 4 Điều 15 của Điều lệ này.</p>	<i>Sửa đổi cho phù hợp</i>
25.	<p>Mục 1 Khoản 2 Điều 19</p> <p>2.1 Chuẩn bị danh sách cổ đông <u>đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày tiến hành Đại hội; chuẩn bị chương trình nghị sự của Đại hội, các tài liệu theo quy định của pháp luật và Công Ty;</u></p>	<p>Mục 1 Khoản 2 Điều 19</p> <p>2.1 Chuẩn bị danh sách cổ đông <u>có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười lăm (15) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p>	<i>Phù hợp Khoản 1, Điều 137 LDN</i>
26.	<p>Khoản 3 Điều 19</p> <p>Thông báo về Đại Hội Đồng Cổ Đông phải bao gồm thời gian tổ chức Đại hội, địa điểm tổ chức, chương trình Đại hội, các vấn đề sẽ được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Thông báo về Đại Hội Đồng Cổ Đông và những tài liệu cần thiết có liên quan</p>	<p>Khoản 3 Điều 19</p> <p>Thông báo về Đại Hội Đồng Cổ Đông phải bao gồm thời gian tổ chức Đại hội, địa điểm tổ chức, chương trình Đại hội, các vấn đề sẽ được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Thông báo về Đại Hội Đồng Cổ Đông và những tài liệu cần thiết có liên quan</p>	<i>Phù hợp Khoản 1, Điều 139 LDN</i>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	phải được gửi chậm nhất 15 ngày trước ngày tổ chức Đại hội.	phải được gửi chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức Đại hội.	
27.	<p>Khoản 4 Điều 19</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề để đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Hội đồng Quản trị Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần nắm giữ, những nội dung đề xuất đưa vào chương trình Đại hội.</p>	<p>Khoản 4 Điều 19</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề để đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Hội đồng Quản trị Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</u> số lượng và loại cổ phần nắm giữ, những nội dung đề xuất đưa vào chương trình Đại hội.</p>	<p><i>Phù hợp Khoản 2, Điều 138 LDN và khoản 4 Điều 18 TT95. Các thông tin được rõ hơn để xác định người kiến nghị phù hợp đối chiếu với Khoản 2, Điều 137</i></p>
28.	<p>ĐIỀU 20: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG <u>VÀ LẬP BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</u></p>	<p>ĐIỀU 20: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	<p><i>Sửa đổi Phù hợp với nội dung</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
29.	<p>Khoản 1 Điều 20</p> <p>1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ làm chủ tọa <u>đề chủ trì Đại Hội Đồng Cổ Đông. Nếu Chủ tịch vắng mặt thì thành viên được Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị uỷ quyền sẽ chủ trì.</u></p>	<p>Khoản 1 Điều 20</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <u>các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</u></p> <p><u>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</u></p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Khoản 2 Điều 142 LDN2014 và khoản 4 Điều 20 TT95</i></p>
30.	<p>Khoản 2 Điều 20</p> <p>2. <u>Trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này</u>, nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận <u>(trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp)</u> hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận <u>(đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)</u></p>	<p>Khoản 2 Điều 20</p> <p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu <u>có quyền</u> biểu quyết của tất cả cổ đông <u>(hoặc các đại diện được ủy quyền)</u> dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có quyền biểu quyết tán thành đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Căn cứ Điều 144 LDN2014</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
31.	<p>Khoản 3 Điều 20</p> <p>3. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp <u>chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp)</u> hoặc ít nhất 51% <u>tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)</u>, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này.</p>	<p>Khoản 3 Điều 20</p> <p>3. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>(hoặc các đại diện được ủy quyền)</u> dự họp <u>tán thành</u> hoặc ít nhất 51% tổng số <u>cổ phần có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u>, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này.</p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Căn cứ Điều 144 LDN2014 và Khoản 9 Điều 22 TT95</i></p>
32.	<p>Khoản 4 Điều 20</p> <p>4. <u>Bầu Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát</u> theo nguyên tắc dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết, hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu</p>	<p>Khoản 4 Điều 20</p> <p>4. <u>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải thực hiện theo</u> phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc <u>Kiểm soát viên</u> được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì</p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Căn cứ Điều 144 LDN2014</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	chỉ quy chế bầu cử <u>hoặc Điều lệ công ty.</u>	sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. <u>Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.</u>	
33.	Khoản 7 Điều 20 7. <u>Trước ngày tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông,</u> thủ tục đăng ký việc dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được tiến hành liên tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp..	Khoản 7 Điều 20 7. <u>Trước khi khai mạc cuộc họp,</u> thủ tục đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được tiến hành liên tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp <u>có mặt tại Đại hội.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1, Điều 142 LDN2014 và khoản 1 Điều 20 TT95</i>
34.	Khoản 9 Điều 20 9. Cổ đông <u>đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội Đồng Cổ Đông và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại Đại hội những vấn đề chưa được đại hội biểu quyết. Cổ đông đến muộn sẽ không được tham gia biểu quyết những vấn đề đã được biểu quyết và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.</u>	Khoản 9 Điều 20 9. Cổ đông <u>hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết/bầu cử tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/ bầu cử trước đó không thay đổi.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 6, Điều 142 LDN2014 và khoản 3 Điều 20 TT95</i>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
35.	<p>Khoản 13 Điều 20</p> <p>13. <u>Hội Đồng Quản Trị có quyền áp dụng các biện pháp kiểm tra hoặc an ninh hợp lý đối với các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội. Hội Đồng Quản Trị có quyền không cho tham dự hoặc trục xuất những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ các quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh theo quy định.</u></p>	<p>Khoản 13 Điều 20</p> <p>13. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Khoản 7, Điều 142 LDN2014 và khoản 8 Điều 20 TT95</i></p>
36.	<p>Khoản 1 Điều 21</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập thành biên bản. Biên bản phải phản ánh các nội dung sau đây:</p> <p>1.1 Thời gian và địa điểm Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>1.2 Tên Chủ tọa và Thư ký;</p> <p>1.3 Chương trình làm việc;</p> <p>.....</p>	<p>Khoản 1 Điều 21</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập thành biên bản. Biên bản phải phản ánh các nội dung sau đây:</p> <p><u>1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>1.2 Thời gian và địa điểm Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>1.2 Tên Chủ tọa và Thư ký;</p> <p>1.3 Chương trình làm việc <u>và nội dung làm việc;</u></p> <p>.....</p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Khoản 1, Điều 146 LDN2014 và khoản 1 Điều 23 TT95</i></p>
37.	<p>Khoản 1 Điều 22</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội</p>	<p>Khoản 1 Điều 22</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội</p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Khoản 2 Điều 143 và Khoản 2 Điều 145 LDN</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>đồng cổ đông <u>bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <u>mười lăm (15)</u> ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p>	<p>đồng cổ đông:</p> <p><u>1.1 Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</u></p> <p><u>1.2 Định hướng phát triển của Công ty;</u></p> <p><u>1.3 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u></p> <p><u>1.4 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>1.5 Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u></p> <p><u>1.6 Thông qua báo cáo tài chính hằng năm</u></p> <p><u>1.7 Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u></p> <p><u>1.8 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</u></p> <p><u>1.9 Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <u>mười (10)</u> ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p>	2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
38.	<p>Mục 3 Khoản 3 Điều 22</p> <p>3.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u></p>	<p>Mục 3 Khoản 3 Điều 22</p> <p>3.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân,</u> Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; <u>tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u></p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Phù hợp Mục c, Khoản 3, Điều 145 LDN2014 và khoản 3 Điều 22 TT95</i></p>
39.	<p>Khoản 5 Điều 22</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</u> Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</u></p> <p>5.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>5.3 Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm</p>	<p>Khoản 5 Điều 22</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không phải là người điều hành doanh nghiệp.</u> Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>5.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>5.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>5.3 Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>5.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và</p>	<p><i>Điều chỉnh theo định nghĩa của ND71</i></p> <p><i>Sửa đổi cho phù hợp Khoản 5, Điều 145 LDN2014 và khoản 6 Điều 22 TT95</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>5.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>5.5 Các <u>Nghi quyết</u> đã được thông qua;</p> <p>5.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>không có ý kiến đối với từng vấn đề và <u>tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có)</u>;</p> <p>5.5 Các <u>vấn đề</u> đã được thông qua;</p> <p>5.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	
40.	<p>Khoản 6 Điều 22</p> <p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ <u>và</u> gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</p>	<p>Khoản 6 Điều 22</p> <p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ <u>hoặc</u> gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm <u>(15)</u> ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Căn cứ Khoản 6 Điều 145 LDN 2014 và khoản 3 Điều 23</i></p>
41.	<p>Khoản 5 Điều 23</p> <p>Hội Đồng Quản Trị được bầu <u>theo hình thức bầu đôn phiếu</u> tại Đại Hội Đồng Cổ Đông, cụ thể được quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.</p>	<p>Khoản 5 Điều 23</p> <p>Hội Đồng Quản Trị được bầu tại Đại Hội Đồng Cổ Đông, cụ thể được quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.</p>	<p><i>Phù hợp với sửa đổi ở Điều 20</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
42.	Chưa quy định	Khoản 5 Điều 24 <u>Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u>	Sửa đổi phù hợp Mục n Khoản 9 Thông tư 155
43.	Khoản 4 Điều 25 <u>Hội Đồng Quản Trị có thể ủy quyền cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị đại diện cho Công Ty thực hiện vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị, trừ khi pháp luật có quy định khác.</u>	Khoản 4 Điều 25 <u>Trừ khi pháp luật có quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</u>	Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 27 TT95
44.	Khoản 5 Điều 25 <u>5. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tổng mức thù lao của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị thoả thuận phân phối mức thù lao cho từng thành viên.</u>	Khoản 5 Điều 25 <u>5. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị thoả thuận phân phối mức thù lao cho từng thành viên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty.</u>	Sửa đổi phù hợp Điều 158 Luật DN và khoản 1 Điều 28 TT95

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
45.	<p>Khoản 1 Điều 26</p> <p>1. Hội Đồng Quản Trị phải lựa chọn trong số các thành viên để bầu ra Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. <u>Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có thể kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc hoặc các chức danh điều hành khác của Công Ty. Trường hợp một phiên họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thống nhất chấp thuận rằng Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc, nghị quyết này phải được thông qua lại hàng năm tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên tiếp theo.</u></p>	<p>Khoản 1, khoản 2 Điều 26</p> <p>1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên để bầu ra Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</p>	<p><i>Sửa đổi theo Khoản 1, Điều 29 TT95</i></p>
46.	<p>Khoản 3 Điều 26</p> <p>3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị <u>phải gửi Báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công Ty , báo cáo kiểm tra của Ban Kiểm Soát</u> cho các cổ đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông.</p>	<p>Khoản 3 Điều 26</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị <u>có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Công ty</u> cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><i>Sửa đổi theo Khoản 3 Điều 29 TT95</i></p>
47.	<p>Chưa quy định</p>	<p>Khoản 1 Điều 27</p> <p><u>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 153 LDN 2014 và khoản 1 Điều 30 TT95</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</u>	
48.	<p>Khoản 9 Điều 27</p> <p>9. Biểu quyết vắng mặt: Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt có thể biểu quyết <u>bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải được gửi tới</u> Chủ tịch HĐQT hoặc Thư ký Công ty chậm nhất một (01) ngày trước <u>thời gian họp dự kiến.</u></p>	<p>Khoản 10 Điều 27</p> <p>10. Biểu quyết vắng mặt: Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt có thể biểu quyết <u>thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến</u> Chủ tịch HĐQT hoặc Thư ký Công ty chậm nhất một (01) ngày trước <u>khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</u></p>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 153 LDN 2014 và khoản 10 Điều 30 TT95</i>
49.	<p>Điều 30</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (01) Thư ký Công ty và quyết định nhiệm kỳ, chức năng và nhiệm vụ của Thư ký Công ty. Chức năng và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo lệnh của Chủ Tịch HĐQT hoặc của Ban Kiểm Soát;</u> 2. <u>Lập biên bản các cuộc họp;</u> 3. <u>Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;</u> 	<p>Điều 30</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (01) Thư ký Công ty và quyết định nhiệm kỳ, chức năng và nhiệm vụ của Thư ký Công ty. Chức năng và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</u> 2. <u>Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</u> 	<i>Sửa đổi cho phù hợp Khoản 5 Điều 152 LDN 2014</i>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>4. <u>Cung cấp các thông tin, bản sao biên bản họp HĐQT cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;</u></p> <p>5. <u>Tiếp nhận, báo cáo và phản hồi lại các vấn đề do cổ đông đặt ra.</u></p> <p>6. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công ty.</p>	<p>3. <u>Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;</u></p> <p>4. <u>Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</u></p> <p>5. <u>Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</u></p> <p>6. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công ty.</p>	
50.	<p>Khoản 1 Điều 31</p> <p>1. Ban Kiểm soát của Tổng Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu <u>bằng hình thức bầu đôn phiếu</u> và bao gồm ba (03) thành viên.</p>	<p>Khoản 1 Điều 31</p> <p>1. Ban Kiểm soát của Tổng Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và bao gồm ba (03) thành viên.</p>	<p><i>Phù hợp với sửa đổi ở Điều 20</i></p>
51.	<p>Khoản 2 Điều 31</p> <p>2. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 5 năm <u>và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.</u></p>	<p>Khoản 2 Điều 31</p> <p>2. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 5 năm. <u>Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</u></p>	<p><i>Sửa đổi khoản 3 Điều 163 LDN 2014 và khoản 1 Điều 37 TT95</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
52.	<p>Mục 1 Khoản 4 Điều 31</p> <p>4.1 Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp đề cử; Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến hai mươi phần trăm (20%) thì được đề cử một (01) thành viên; nếu chiếm từ trên hai mươi phần trăm (20%) đến năm mươi phần trăm (50%) thì được quyền đề cử hai (02) thành viên ; nếu từ trên năm mươi phần trăm (50%) đến bảy mươi phần trăm (70%) thì được đề cử ba (03) thành viên ; và nếu lớn hơn bảy mươi phần trăm (70%) thì được đề cử bốn (04) thành viên.</p>	<p>Mục 1 Khoản 4 Điều 31</p> <p>4.1 Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp đề cử; Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến hai mươi phần trăm (20%) thì được đề cử một (01) thành viên; nếu chiếm từ trên hai mươi phần trăm (20%) đến năm mươi phần trăm (50%) thì được quyền đề cử hai (02) thành viên ; nếu từ trên năm mươi phần trăm (50%) đến bảy mươi phần trăm (70%) thì được đề cử ba (03) thành viên ; và nếu lớn hơn bảy mươi phần trăm (70%) thì được đề cử bốn (04) thành viên <u>trở lên</u>.</p>	Sửa đổi cho phù hợp
53.	<p>Khoản 1 Điều 32</p> <p><u>1. Được Hội Đồng Quản Trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định và thay đổi đơn vị Kiểm toán, mức phí kiểm toán và các vấn đề khác liên quan đến kế toán và kiểm toán của Công Ty.</u></p>	<p>Khoản 1 Điều 32</p> <p><u>1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty</u></p>	Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 38 TT95
54.	<p>Khoản 2 Điều 37</p> <p><u>Theo quy định của Luật Doanh nghiệp</u>, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p>	<p>Khoản 2 Điều 37</p> <p><u>Theo Mục 11 Khoản 3 Điều 25 Điều lệ này</u>, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p>	Việc tạm ứng đã được đề cập tại Mục 11 Khoản 3 Điều 25 Điều lệ sửa đổi

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
55.	<p>Khoản 1 Điều 43</p> <p>1. Theo đề xuất của Ban Kiểm soát, <u>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HDQT.</u></p>	<p>Khoản 1 Điều 43</p> <p>1. Theo đề xuất của Ban Kiểm soát, <u>Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính hoặc nhiệm kỳ tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</u></p>	<p><i>Sửa đổi theo Khoản 1, Điều 50 TT95</i></p>
56.	<p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 45. Báo cáo thường niên</p> <p><u>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán</u></p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Khoản 3 Điều 8 Thông tư 155</i></p>
57.	<p>Chưa quy định</p>	<p>Mục 3 khoản 1 Điều 46</p> <p><u>1.3 Bì thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điều 201 LDN 2014 và khoản 1 Điều 52 TT95</i></p>
58.	<p>Khoản 2 Điều 45</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định giải thể Công ty phải được thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền biết hoặc chấp thuận phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành</p>	<p>Khoản 2 Điều 46</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (<u>kể cả thời hạn đã gia hạn</u>) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, <u>Hội đồng quản trị thực hiện</u> và quyết định giải thể Công ty phải được thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền biết hoặc chấp thuận phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành.</p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
59.	<p>Mục 3.2 Khoản 3 Điều 47</p> <p><u>3.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên Công ty;</u></p>	<p>Mục 3.2 Khoản 3 Điều 48</p> <p><u>3.2 Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Khoản 5, Khoản 6 Điều 202 LDN 2014 và khoản 3 Điều 54 TT95</i></p>
60.	<p>Điều 50</p> <p>1. Điều lệ này bao gồm mười chín (19) Chương và <u>năm mươi một (51) Điều</u>; và đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần May Việt Thịnh nhất trí thông qua <u>ngày 18 tháng 04 năm 2015</u> tại Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p><u>2. Điều lệ được lập bằng tiếng Việt và được lập thành mười (10) bản, có giá trị pháp lý như nhau.</u></p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc công chứng Nhà nước mới có giá trị.</p>	<p>Điều 51</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm mười chín (19) Chương và <u>năm mươi hai (52) Điều</u> được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần May Việt Thịnh nhất trí thông qua <u>ngày 07 tháng 04 năm 2018</u> tại Thành phố Hồ Chí Minh .</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, <u>trong đó:</u></p> <p><u>2.1 Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</u></p> <p><u>2.2 Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</u></p> <p><u>2.3 Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc</p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp</i></p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		công chứng Nhà nước mới có giá trị.	

Ngoài các điều khoản thay đổi trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua việc sửa đổi điều lệ về các thuật ngữ chung sử dụng trong Điều lệ cụ thể như sau:

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Thành viên Ban kiểm soát	Kiểm soát viên	<i>Sửa đổi phù hợp thuật ngữ của LDN 2014</i>
2	Người quản lý, cán bộ quản lý	Người điều hành	<i>Sửa đổi phù hợp thuật ngữ của Nghị định 71</i>